

Số: 02 /KHTC-MNNH

Nam Hưng, ngày 26 tháng 01 năm 2024

**KẾ HOẠCH DỰ TOÁN THU CHI TÀI CHÍNH NĂM HỌC 2023 - 2024**  
(Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch số 27/KHTC-MNNH ngày 23/9/2023)

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2024-2026;

Thực hiện mức thu học phí năm học 2023-2024 theo Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức học phí năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015- 2016 đến năm học 2020- 2021; Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Tài Chính- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 12/10/2015 của Chính Phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Căn cứ Quyết định số 2050/2012/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố; Hướng dẫn số 146/SGDĐT-TTr ngày 14/02/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm;



Căn cứ Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn liên Sở số 03/HĐLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 Hướng dẫn Liên Sở thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn liên Sở số 86/HĐLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 Hướng dẫn Liên Sở thực hiện thu, cơ chế quản lý thu theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Trường mầm non Nam Hưng điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thu chi tài chính năm học 2023- 2024 như sau:

**I. Sửa đổi phần II dự kiến các khoản thu (điều chỉnh mục 3 phần II của kế hoạch số 27/KHTC-MNNH ngày 23/9/2023)**

TT	Các khoản thu	Mức thu	Thời gian thu
<b>I. Các khoản thu theo quy định</b>			
1	<b>Học phí :</b> MG: 85.000đ/T x 9T NT: 92.000đ/T x 9T	Thực hiện hỗ trợ theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND TP Hải Phòng)	
<b>II. Các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục (Các khoản thu đã được nhà trường thỏa thuận với cha mẹ học sinh về chủ trương, công khai mức thu, nội dung chi, đồng thời tuyên truyền tường minh đến từng phụ huynh học sinh)</b>			
1	Tiền ăn + chất đốt	- Tiền ăn: 20.000đ/trẻ/ngày - Chất đốt: Từ 1.000 - 2.000 đồng/trẻ/ngày	- Thu theo số ngày ăn - Thu đủ bù chi
2	Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú		
a	Đối với học sinh mới	300.000đ/trẻ/năm	Thu làm 2 kỳ
b	Đối với học sinh cũ	200.000đ/trẻ/năm	Thu làm 2 kỳ
3	Hỗ trợ người nấu ăn	(Từ 3.000 – 4.000đ/ trẻ/ngày) (Miễn thu trẻ thuộc hộ chính sách, hộ nghèo, cận nghèo)	Thu theo tháng, theo xuất ăn của trẻ
4	Quản lý trẻ buổi trưa	10.000đ/trẻ/ngày (5.000đ/giờ)	Thu theo tháng, theo xuất ăn của trẻ

TT	Các khoản thu	Mức thu	Thời gian thu
5	Trông trẻ ngày thứ 7 (cha mẹ trẻ có nhu cầu)	35.000đ/trẻ/ngày (chưa tính tiền ăn, chất đốt)	Thu theo tháng, theo xuất ăn của trẻ

### III. Các khoản thu tự nguyện

1	Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em các lớp	Vận động ủng hộ tự nguyện	
---	---	---------------------------	--

### IV. Các khoản thu hộ, chi hộ

**May đồng phục của trẻ:** Phụ huynh có nhu cầu đăng ký may cho trẻ, nhà trường không ép buộc. Tại buổi họp phụ huynh các lớp đã thống nhất ủy quyền cho nhà trường cùng Ban đại diện cha mẹ trẻ em chọn kiểu mẫu, chất liệu, giá cả và hợp đồng với nhà may để may đồng phục cho trẻ. Giá dự kiến: 150.000đ/bộ

## II. Điều chỉnh phần III mục 2.3 và mục 2.4 kế hoạch chi của kế hoạch số 27/KHTC-MNNH ngày 23/9/2023

### 1. Điều chỉnh mục 2.3. Hỗ trợ người nấu ăn

(Dự kiến trẻ thuộc hộ chính sách, hộ nghèo cận nghèo miễn thu: 06 trẻ)

- Dự kiến thu: 250 trẻ x 3.500 đ x 22 ngày x 9 tháng = 173.250.000 đồng

- Kế hoạch chi: Hỗ trợ lương nhân viên nấu ăn theo mức lương tối thiểu vùng và hỗ trợ tiền làm ngoài giờ (rửa bát và nấu bữa chiều)

+ Chi trả theo mức lương tối thiểu vùng sau khi trừ số tiền ngân sách thành phố hỗ trợ: 5 cô x 2.049.606 đ/cô = 10.248.030 đồng/tháng x 9 tháng = 92.232.270 đ

+ Trả tiền ngoài giờ buổi trưa: 2 cô x 150.000 đồng/cô/ngày x 22 ngày = 6.600.000 x 9 tháng = 59.400.000 đ (1 ngày 2 cô trực)

- 2% nộp thuế: 3.465.000 đ

### 2. Điều chỉnh mục 2.4. Quản lý trẻ buổi trưa

- Dự kiến thu: 250 trẻ x 10.000 đ x 22 ngày x 9 tháng = 495.000.000 đ

- Kế hoạch chi:

+ 78% bồi dưỡng giáo viên trực tiếp quản lý trẻ buổi trưa: 386.100.000 đ

+ 2% Nộp thuế: 9.900.000 đ

+ 20% Chi công tác quản lý (HT=6%; 2PHT=9%; KT=3,5%; TQ=1,5%): 99.000.000 đ

### 2.5. Trông trẻ ngày thứ 7 (Phụ huynh có nhu cầu tự nguyện đăng ký)

- Dự kiến thu: 100 trẻ x 35.000 đ/ngày x 4 ngày x 9 tháng = 126.000.000 đ

- Kế hoạch chi:

+ 78% bồi dưỡng giáo viên trực tiếp quản lý trẻ buổi trưa: 98.280.000 đ

+ 2% Nộp thuế: 2.520.000 đ

+ 20% Chi công tác quản lý (HT=6%; 2PHT=9%; KT=3,5%; TQ=1,5%): 25.200.000 đ



Trên đây là điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch số 27/KHTC-MNNH ngày 23/9/2023 của Trường mầm non Nam Hưng. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi về chế độ, chính sách, định mức thu – chi, Hiệu trưởng chịu trách nhiệm bổ sung, sửa đổi cho phù hợp và thông qua Hội đồng sư phạm biểu quyết.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT;
- Phòng TC-KH;
- UBND xã;
- Lưu: VT.



**Nguyễn Thị Phấn**

Số: 27 /KHTC-MNNH

Nam Hưng, ngày 23 tháng 9 năm 2023

**KẾ HOẠCH DỰ TOÁN THU CHI TÀI CHÍNH**  
**Năm học 2023 - 2024**

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2024-2026;

Thực hiện mức thu học phí năm học 2023-2024 theo Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức học phí năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015- 2016 đến năm học 2020- 2021; Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Tài Chính- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 12/10/2015 của Chính Phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Căn cứ Quyết định số 2050/2012/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố; Hướng dẫn số 146/SGDĐT-TTr ngày 14/02/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm;



Căn cứ Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn liên Sở số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 Hướng dẫn Liên Sở thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Biên bản họp cấp ủy, Hội đồng sư phạm, Ban đại diện cha mẹ học sinh, Biên bản họp phụ huynh học sinh các lớp đầu năm học và tình hình thực tế của nhà trường và địa phương. Trường mầm non Nam Hưng xây dựng kế hoạch thu chi tài chính năm học 2023- 2024 như sau:

## I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG

### 1. Đặc điểm

- Nhà trường có 1 điểm trường.
- Số phòng học: 10 phòng. Số phòng làm việc: 04 phòng
- Số phòng chức năng: 02 phòng

### 2. Tổ chức bộ máy

#### a. Số CBGVNV

- Số CBGVNV: 27 đ/c. (CBQL: 3 đ/c; GV: 18 giáo viên; NV: 06 đ/c.)

Chế độ chính sách: + Viên chức: 21 người

+ HĐ hưởng trợ cấp thành phố: 05 người

+ HĐ theo bằng cấp: 01 người

- Hợp đồng trường: 02 người (1 NV bảo vệ và 1 NV quét dọn vệ sinh và thu gom rác thải)

#### b. Số lớp, số học sinh

- Tổng số lớp: 10 lớp; Tổng số học sinh theo chỉ tiêu giao : 287 cháu.

Trong đó: + Học sinh mẫu giáo: 232 cháu

+ Học sinh nhà trẻ: 55 cháu

Số học sinh thực tế (tại thời điểm tháng 9/2023): 267 cháu

## II. DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU

TT	Các khoản thu	Mức thu	Thời gian thu
<b>I. Các khoản thu theo quy định</b>			
1	Học phí : MG: 85.000đ/T x 9T NT: 92.000đ/T x 9T.	Thực hiện hỗ trợ theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND TP Hải Phòng)	

TT	Các khoản thu	Mức thu	Thời gian thu
<b>II. Các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục</b> (Các khoản thu đã được nhà trường thỏa thuận với cha mẹ học sinh về chủ trương, công khai mức thu, nội dung chi, đồng thời tuyên truyền tường minh đến từng phụ huynh học sinh)			
1	Tiền ăn + chất đốt	- Tiền ăn: 20.000đ/trẻ/ngày - Chất đốt: Từ 1.000 - 2.000 đồng/trẻ/ngày	- Thu theo số ngày ăn - Thu đủ bù chi
2	Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú		
a	Đối với học sinh mới	300.000đ/trẻ/năm	Thu làm 2 kỳ
b	Đối với học sinh cũ	200.000đ/trẻ/năm	Thu làm 2 kỳ
3	Hỗ trợ người nấu ăn	(Từ 2.500 – 3.500đ/ trẻ/ngày) (Miễn thu trẻ thuộc hộ chính sách, hộ nghèo, cận nghèo)	Thu theo tháng, theo xuất ăn của trẻ
4	Quản lý trẻ buổi trưa	10.000đ/trẻ/ngày (5.000đ/giờ)	Thu theo tháng, theo xuất ăn của trẻ
5	Trông trẻ ngày thứ 7 (cha mẹ trẻ có nhu cầu)	35.000đ/trẻ/ngày (chưa tính tiền ăn, chất đốt)	Thu theo tháng, theo xuất ăn của trẻ
<b>III. Các khoản thu tự nguyện</b>			
1	Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em các lớp	Vận động ủng hộ tự nguyện	
<b>IV. Các khoản thu hộ, chi hộ</b>			
<p><b>May đồng phục của trẻ:</b> Phụ huynh có nhu cầu đăng ký may cho trẻ, nhà trường không ép buộc. Tại buổi họp phụ huynh các lớp đã thống nhất ủy quyền cho nhà trường cùng Ban đại diện cha mẹ trẻ em chọn kiểu mẫu, chất liệu, giá cả và hợp đồng với nhà may để may đồng phục cho trẻ. Giá dự kiến: 150.000đ/bộ</p>			



### III. KẾ HOẠCH CHI

#### 1. Học phí: (Thực hiện nộp ngân sách nhà nước)

Dự kiến số học phí:

Đối với MG: 232 trẻ x 85.000 x 9 tháng = 177.480.000 đ

Đối với NT: 55 trẻ x 92.000 x 9 tháng = 45.540.000 đ

**Tổng dự thu: 223.020.000đ**

## 2. Các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục:

### 2.1. Tiền ăn + chất đốt: từ 21.000 - 22.000 đ/trẻ/ngày

#### Trong đó:

Tiền ăn 20.000 đ/trẻ/ngày: Mua thực phẩm nấu ăn cho trẻ hàng ngày.

Tiền chất đốt: Từ 1.000 đ - 2.000đ/ trẻ/ngày, thu đủ bù chi theo thực tế số ga tiêu thụ.

### 2.2. Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú

- Dự kiến thu: 59.700.000 đồng.

+ Đối với trẻ mới tuyển: 63 trẻ x 300.000 đ = 18.900.000 đ

+ Đối với trẻ đã học cũ: 204 trẻ x 200.000 đ = 40.800.000 đ

- Dự kiến chi: Mua mới và mua bổ sung đồ dùng nuôi dưỡng, đồ dùng vệ sinh hàng tháng phục vụ ăn bán trú cho trẻ (có kế hoạch chi tiết kèm theo)

### 2.3. Hỗ trợ người nấu ăn

(Dự kiến trẻ thuộc hộ chính sách, hộ nghèo cận nghèo miễn thu: 06 trẻ)

- Dự kiến thu: 250 trẻ x 2.900 đ x 22 ngày x 9 tháng = 143.550.000 đồng

- Kế hoạch chi: Hỗ trợ lương nhân viên nấu ăn theo mức lương tối thiểu vùng và hỗ trợ tiền làm ngoài giờ (rửa bát và nấu bữa chiều)

+ Chi trả theo mức lương tối thiểu vùng sau khi trừ số tiền ngân sách thành phố hỗ trợ : 5 cô x 2.049.606 đ/cô = 10.248.030 đồng/tháng x 9 tháng = 92.232.270 đ

+ Trả tiền ngoài giờ buổi trưa: 2 cô x 120.000 đồng/cô/ngày x 22 ngày = 5.280.000 x 9 tháng = 47.520.000 đ (1 ngày 2 cô trực)

- 2% nộp thuế: 2.871.000 đ

### 2.4. Quản lý trẻ buổi trưa

- Dự kiến thu: 267 trẻ x 10.000 đ x 22 ngày x 9 tháng = 528.660.000 đ

- Kế hoạch chi:

+ 73% bồi dưỡng giáo viên trực tiếp quản lý trẻ buổi trưa: 385.921.800 đ

+ 2% Nộp thuế: 10.573.200 đ

+10% chi phúc lợi: 52.866.000 đ

+15% Chi công tác quản lý (HT=5%; PHT=7%; KT=2%; TQ=1%): 79.299.000 đ

### 2.5. Trông trẻ ngày thứ 7 (Phụ huynh có nhu cầu tự nguyện đăng ký)

- Dự kiến thu: 100 trẻ x 35.000 đ/ngày x 4 ngày x 9 tháng = 126.000.000 đ

- Kế hoạch chi:

+ 73% bồi dưỡng giáo viên trực tiếp quản lý trẻ buổi trưa: 91.980.000 đ

+ 2% Nộp thuế: 2.520.000

+10% chi phúc lợi, hỗ trợ cơ sở vật chất: 12.600.000 đ

+15% Chi công tác quản lý (HT=5%; PHT=7%; KT=2%; TQ=1%): 18.900.000 đ

## 3. Các khoản thu tự nguyện

3.1 Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh: Ban đại diện cha mẹ trẻ em các lớp đã thống nhất xây dựng kế hoạch chi tiết kinh phí theo đúng



Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 dưới sự giám sát của nhà trường như: Chi quà cho trẻ ngày hội, ngày lễ, thăm hỏi trẻ ốm đau, hiếu bản thân trẻ và cha mẹ trẻ, hỗ trợ các cháu có hoàn cảnh khó khăn...

#### 4. Các khoản thu hộ chi hộ

**May đồng phục:** Thanh toán trả tiền may đồng phục cho trẻ.

### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ kế hoạch thu chi tài chính năm học, các bộ phận phụ trách: chuyên môn, CSND có trách nhiệm lập kế hoạch cụ thể việc mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung tài liệu, nguyên vật liệu chuyên môn, chuyên đề... để phân phối nguồn chi đảm bảo việc thu, chi đạt hiệu quả thiết thực, tiết kiệm, tránh lãng phí.

2. Việc thu, chi được thanh quyết toán và công khai hàng tháng trên bảng tin của nhà trường theo đúng quy định của Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

3. Phân công nhiệm vụ các cá nhân, bộ phận

a. Giáo viên chủ nhiệm các lớp: Có trách nhiệm họp bàn thỏa thuận thống nhất với phụ huynh học sinh về các khoản đóng góp của nhà trường.

b. Thủ quỹ: Có trách nhiệm triển khai kế hoạch thu chi các khoản đóng góp của học sinh; lập hồ sơ (danh sách) thu theo đúng quy định.

c. Bộ phận kế toán: Có trách nhiệm lập các biểu mẫu thu, chi; tổng hợp số liệu; lập hồ sơ thanh quyết toán hàng tháng, quý; tham mưu cho Hiệu trưởng về các hạng mục chi, định mức chi để đảm bảo theo đúng quy định của công tác tài chính hiện hành.

d. Hiệu trưởng: Triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thu, chi của bộ phận kế toán thủ quỹ; duyệt chi; duyệt các báo cáo tổng hợp số liệu, báo cáo quyết toán; xử lý các cá nhân vi phạm trong công tác tài chính.

Trên đây là Kế hoạch thu chi tài chính năm học 2023- 2024 của Trường mầm non Nam Hưng. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi về chế độ, chính sách, định mức thu – chi, Hiệu trưởng chịu trách nhiệm bổ sung, sửa đổi cho phù hợp và thông qua Hội đồng sư phạm biểu quyết.

#### Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Phòng TC-KH;
- UBND xã;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Nguyễn Thị Phảng**

**KÝ DUYỆT CỦA UBND XÃ NAM HƯNG**